

1. Ma trận Đề thi Toán lớp 3 học kì 1 Kết nối tri thức

Năng lực, phẩm chất	Số câu, số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN	T L	TN	TL	T N	T L	T N	T L
Số và phép tính: Cộng, trừ, nhân, chia các số trong phạm vi 1 000.	Số câu	3		2	2			5	2
	Số điểm	1,5 (mỗi câu 0,5 điểm)		1 (mỗi câu 0,5 điểm)	2,5 (1 câu 1 điểm, 1 câu 1,5 điểm)			2,5	2,5
Giải bài toán bằng hai phép tính	Số câu				1				1
	Số điểm				1				1
Đại lượng và đo các đại lượng: Các đơn vị đo độ dài, đo khối lượng, đo nhiệt độ.	Số câu			1	2			2	2
	Số điểm			0,5	2			0,5	2
Hình học: Làm quen với hình phẳng và hình khối (điểm ở giữa, trung điểm, hình tròn, hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông, khối lập phương, khối hộp chữ nhật)	Số câu	1					1	1	1
	Số điểm	0,5					1	0,5	1
Tổng	Số câu	4		3	5		1	7	6
	Số điểm	2		1,5	5,5		1	3,5	6,5

2. Đề thi Toán lớp 3 học kì 1 Kết nối tri thức

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1. Số liền sau của số 50 là số:

- A. 51
- B. 49
- C. 48
- D. 52

Câu 2. Số 634 được đọc là

- A. Sau ba bốn
- B. Sáu trăm ba tư
- C. Sáu trăm ba mươi tư
- D. Sáu tăm ba mươi bốn

Câu 3. Thương của phép chia $30 : 5$ là:

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8

Câu 4. Một ô tô con có 4 bánh xe. Hỏi 10 ô tô con như thế có bao nhiêu bánh xe?

- A. 20 bánh xe
- B. 32 bánh xe
- C. 40 bánh xe
- D. 28 bánh xe

Câu 5. Nhận xét nào sau đây không đúng?

- A. Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó
- B. Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó

C. Số nào nhân với 0 cũng bằng 0

D. Số 0 chia cho số nào cũng bằng chính số đó

Câu 6. Dụng cụ nào sau đây thường dùng để kiểm tra góc vuông?

A. Ê-ke

B. Bút chì

C. Bút mực

D. Com-pa

Câu 7. Nhiệt độ nào dưới đây phù hợp với ngày nắng nóng?

A. 0°C

B. 2°C

C. 100°C

D. 36°C

Phần 2. Tự luận

Câu 8. Tính nhẩm

a) $460\text{ mm} + 120\text{ mm} = \dots\dots\dots$

b) $240\text{ g} : 6 = \dots\dots\dots$

c) $120\text{ ml} \times 3 = \dots\dots\dots$

Câu 9. Đặt tính rồi tính

a) 116×6

b) $963 : 3$

Câu 10. Tính giá trị biểu thức

a) $9 \times (75 - 63)$

.....
.....
.....

b) $(16 + 20) : 4$

.....

.....

.....

c) $37 - 18 + 17$

.....

.....

.....

Câu 11. Giải toán

Mỗi bao gạo nặng 30 kg, mỗi bao ngô nặng 40 kg. Hỏi 2 bao gạo và 1 bao ngô nặng bao nhiêu ki – lô – gam?

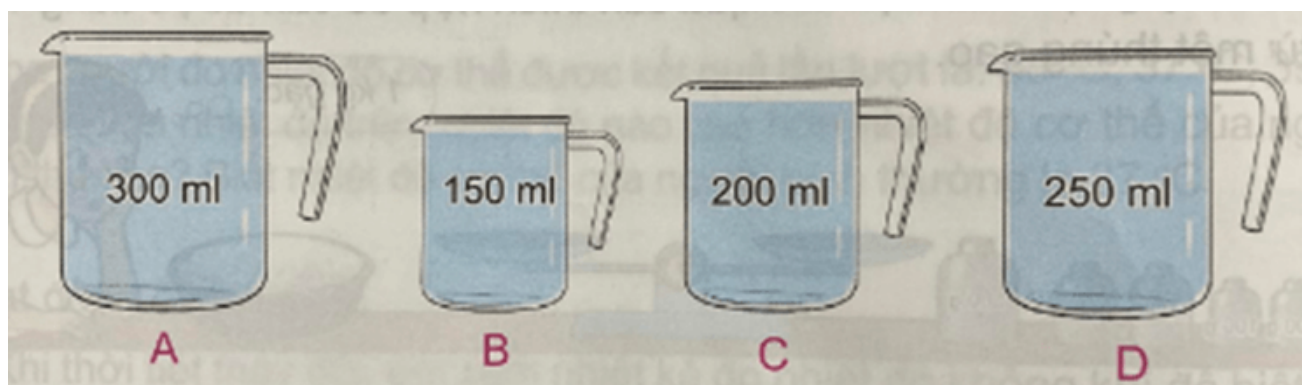
.....

.....

.....

Câu 12. Quan sát hình và trả lời câu hỏi

Có bốn ca đựng lượng nước như sau:



a) Ca nào đựng nhiều nước nhất?

.....

b) Ca nào đựng ít nước nhất?

.....

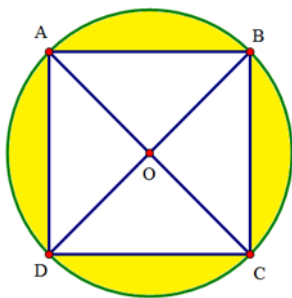
c) Tìm hai ca khác nhau để đựng được 550 ml nước?

.....

d) Sắp xếp các ca theo thứ tự đựng ít nước nhất đến nhiều nước nhất?

.....

Câu 13. Cho hình vuông ABCD nằm trong đường tròn tâm O như hình vẽ. Biết AC dài 10 cm. Tính độ dài bán kính của hình tròn.



3. Đáp án Đề thi Toán lớp 3 học kì 1 Kết nối tri thức

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7
A	C	B	C	D	A	D

Phần 2. Tự luận

Câu 8. Tính nhẩm

a) $460 \text{ mm} + 120 \text{ mm} = 580 \text{ mm}$

b) $240 \text{ g} : 6 = 40 \text{ g}$

c) $120 \text{ ml} \times 3 = 360 \text{ ml}$

Câu 9. HS đặt tính rồi tính

Câu 10. Tính giá trị biểu thức

a) $9 \times (75 - 63)$

$$= 9 \times 12$$

$$= 108$$

$$\text{b) } (16 + 20) : 4$$

$$= 36 : 4$$

$$= 9$$

$$\text{c) } 37 - 18 + 17$$

$$= 19 + 17$$

$$= 36$$

Câu 11.

Bài giải

2 bao gạo cân nặng là:

$$30 \times 2 = 60 \text{ kg}$$

2 bao gạo và 1 bao ngô nặng là:

$$60 + 40 = 100 \text{ kg}$$

Đáp số: 100 kg

Câu 12.

a) Ca A đựng nhiều nước nhất.

b) Ca B đựng ít nước nhất.

c) Hai ca khác nhau để đựng được 550 ml nước là: A và D

Vì tổng lượng nước trong hai ca là: $300 \text{ ml} + 250 \text{ ml} = 550 \text{ ml}$

d) Sắp xếp các ca theo thứ tự đựng ít nước nhất đến nhiều nước nhất là: B, C, D, A

Câu 13.

Ta có: A, O, C là 3 điểm cùng nằm trên một đường thẳng và O là tâm của đường tròn

Nên AC là đường kính của đường tròn tâm O

Vậy bán kính của hình tròn là:

$$10 : 2 = 5 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 5 cm